

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt |
|--|-----------------------------|--------------------------------|
| 1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, nguồn gốc xuất xứ, nhãn mác ký mã hiệu | | |
| 1.1. Đặc tính thông số | E-HSMT đạt các yêu cầu sau: | Đạt |

| | Nội dung đánh giá | Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt |
|---|--|---------------------------------------|
| <p>kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo, công nghệ.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu giới thiệu hàng hóa có đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng bằng hoặc vượt trội so với yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu phải lập bảng so sánh đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hóa giữa E-HSMT và E-HSĐT. Trường hợp có điểm sai khác nhà thầu phải nêu rõ điểm sai khác đó trong bảng so sánh. * Lưu ý rất quan trọng: Đặc tính, tính năng, chức năng thông số kỹ thuật của thiết bị căn cứ vào mã hàng hóa mà nhà thầu ghi trong E-HSĐT để đánh giá theo các tiêu chí đánh giá như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tài liệu làm căn cứ đánh giá: các tài liệu (bao gồm datasheet, nhãn hiệu, ký mã hiệu, xuất xứ, catalogue, thông tin hàng hóa,...) của thiết bị đăng trên website chính thức của nhà sản xuất tại thời điểm đánh giá E-HSĐT. + Trường hợp trên website của nhà sản xuất không có tài liệu của thiết bị dự thầu trong E-HSĐT thì căn cứ theo tài liệu kèm theo E-HSĐT để đánh giá. + Trường hợp đặc tính, tính năng, chức năng thông số kỹ thuật của thiết bị ghi trong E-HSĐT có nội dung khác với đặc tính, tính năng, chức năng thông số kỹ thuật của thiết bị của tài liệu trên website của nhà sản xuất thì tài liệu trên website của nhà sản xuất là căn cứ để đánh giá thiết bị đó. + Nhà thầu tham dự thầu có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác thông tin tài liệu kèm theo E-HSĐT khi nộp E-HSĐT so với tài liệu trên website chính thức của nhà sản xuất. - Có đầy đủ các cam kết theo quy định tại Chương V của E-HSMT được duyệt. - Có cam kết các thiết bị y tế đáp ứng quy định về lưu hành theo nghị định của Bộ y tế - Nhà thầu có cam kết các thiết bị dạy học (tranh ảnh) do nhà thầu cung cấp phù hợp theo quy định của Bộ Giáo dục tại thời điểm cung cấp, đảm bảo hiệu quả sử dụng và giảng dạy của | |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt |
|---|--|---------------------------------------|
| | nhà trường | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. Lưu ý: Có 01 thiết bị không đạt thì kết quả đánh giá không đạt. | Không đạt |
| 1.2. Nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, chất lượng, tiêu chuẩn sản xuất của hàng hóa | Nhà thầu phải nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model, tình trạng và năm sản xuất tối thiểu năm 2025 trở về sau của từng loại hàng hóa dự thầu và cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu sau: - Cam kết Cung cấp Chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc chứng nhận chất lượng xuất xưởng đối với hàng trong nước. - Nhà thầu phải cam kết sẵn sàng cung cấp bản gốc hoặc thông tin công khai các tài liệu của Nhà sản xuất để xác nhận các thông tin liên quan sản phẩm do Nhà thầu kê khai dự thầu (nếu được chủ đầu tư yêu cầu). - Nhà thầu phải cam kết sẽ thu hồi tất cả hàng hóa, thiết bị (cùng chủng loại) nếu bất kỳ một sản phẩm nào bị phát hiện không đảm bảo quy cách, đặt tính, thông số kỹ thuật hàng hóa quy định tại Chương V, E-HSMT. - Nhà thầu phải cam kết chấp nhận mọi biện pháp kiểm tra chất lượng hàng hóa, thiết bị mà chủ đầu tư sẽ tiến hành để chứng minh chất lượng sản phẩm do nhà thầu cung cấp (mọi chi phí do nhà thầu chịu) - Nhà thầu phải nộp kèm E-HSMT tài liệu chứng minh hãng sản xuất, hàng hóa đáp ứng tiêu chuẩn ISO, TCVN, QCVN,... đối với các mục có yêu cầu cụ thể nêu tại Chương V của E-HSMT được duyệt. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. Lưu ý: Thiếu ≥ 1 yêu cầu hoặc nội dung không đáp ứng trên E-HSMT sẽ không đạt. | Không đạt |
| 1.3. Nhãn mác, ký mã hiệu hàng hóa | Hàng hóa chào thầu phải có Nhãn mác, ký mã hiệu, hãng sản xuất rõ ràng. | Đạt |
| | E-HSMT không đáp ứng ≥ 01 các trường hợp sau đây sẽ không đáp ứng yêu cầu E-HSMT. a) Có ≥ 01 thiết bị không có ghi mã hàng. b) Có ≥ 01 thiết bị không có ghi rõ ràng mã hàng hóa. | Không đạt |

| | Nội dung đánh giá | Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt |
|--|--|---------------------------------------|
| | c) Có ≥ 01 thiết bị không có ghi hãng sản xuất. d) Có ≥ 01 thiết bị không có ghi rõ ràng hãng sản xuất. e) Có ≥ 01 thiết bị không có ghi xuất xứ hàng hóa. f) Có ≥ 01 thiết bị không có ghi rõ ràng xuất xứ hàng hóa (trong đó có trường hợp ghi từ 02 xuất xứ trở lên). g) Có ≥ 01 thiết bị không có đặc tính, thông số kỹ thuật, tính năng, chức năng của thiết bị. h) Có ≥ 01 thiết bị không có ghi rõ đặc tính, thông số kỹ thuật, tính năng, chức năng của thiết bị. i) Có ≥ 01 thiết bị có đặc tính, thông số kỹ thuật, tính năng, chức năng của thiết bị không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | |
| 2 Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | | |
| 2.1. Giải pháp kỹ thuật Trình bày tính hợp lý, phù hợp hiện trạng công trình và hiệu quả của các giải pháp kỹ thuật thuộc gói thầu | Thuyết minh giải pháp kỹ thuật về thời gian, địa điểm, quy trình cung cấp và tiếp nhận ... hợp lý để đạt hiệu quả kinh tế và tạo sự thuận lợi nhất cho các đơn vị thụ hưởng trong quá trình tiếp nhận và sử dụng hàng hóa. Giải pháp kỹ thuật cho gói thầu: Có đề xuất giải pháp kỹ thuật đầy đủ và phù hợp với E-HSMT. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. Lưu ý: Thiếu ≥ 1 yêu cầu hoặc nội dung không đáp ứng trên E-HSDT sẽ không đạt. | Không đạt |
| 2.2. Biện pháp tổ chức cung cấp, thi công, lắp đặt hàng hóa Trình bày tính hợp lý và phù hợp hiện trạng công trình của các biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa thuộc gói thầu và có bố trí công nhân kỹ thuật phục vụ thi công. | 1. Thuyết minh biện pháp tổ chức cung cấp, thi công, lắp đặt hàng hóa với các quy trình Vận chuyển, Bảo quản, Lưu kho, Tiếp nhận, Thi công lắp đặt, Vận hành, Kiểm tra và thử nghiệm... hợp lý để đạt hiệu quả kinh tế và tạo sự thuận lợi nhất cho các đơn vị thụ hưởng trong quá trình tiếp nhận và sử dụng hàng hóa. 2. Biện pháp vận chuyển đảm bảo chất lượng: Có thuyết minh phương án vận chuyển, phương tiện vận chuyển đến nơi tập trung và đến nơi cung cấp, lắp đặt và có thuyết minh biện pháp bảo quản để đảm bảo về chất lượng của hàng hóa trong quá trình vận chuyển, lưu kho. 3. Biện pháp thi công lắp đặt, cài đặt thiết bị: Có thuyết minh chi tiết về biện pháp thi công lắp đặt, cài đặt khả thi thực hiện theo từng công việc của gói thầu và đáp ứng theo yêu cầu E- | Đạt |

| | Nội dung đánh giá | Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt |
|--|--|---------------------------------------|
| | <p>HSMT.</p> <p>4. Biện pháp kiểm tra, nghiệm thu, vận hành thử nghiệm: Có thuyết minh đề xuất chi tiết, hợp lý, khả thi thực hiện và phù hợp với E-HSMT.</p> <p>5. Có thuyết minh trình bày đầy đủ, hợp lý, chi tiết và rõ ràng biện pháp phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình cung cấp lắp đặt hàng hóa phải phù hợp và thống nhất các nội dung trong E-HSMT và phù hợp với E-HSMT của gói thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải có kế hoạch và đảm bảo huy động đủ nhân sự cho việc thi công, lắp đặt hàng hoá theo đúng cam kết về thời gian mà nhà thầu thể hiện trong bảng tiến độ. - Có bản cam kết tất cả cán bộ, nhân viên khi làm việc phải tuân thủ theo quy định, nội quy của nơi thi công. - Có bản cam kết phải tu sửa lại các hư hỏng trong quá trình cung cấp, lắp đặt, nghiệm thu làm hư hỏng các thiết bị, hiện trạng của công trình <p>6. Cam kết các thiết bị hàng hóa lắp đặt hoàn thiện phải vận hành được ngay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết đã rà soát, khối lượng, hồ sơ, trường hợp phát sinh nhà thầu phải chịu kinh phí | |
| | <p>Không đáp ứng yêu cầu trên.</p> <p>Lưu ý: Thiếu ≥ 1 yêu cầu hoặc nội dung không đáp ứng trên E-HSMT sẽ không đạt.</p> | Không đạt |
| <p>2.3. Tiến độ cung cấp hàng hóa theo yêu cầu tại chương V E-HSMT</p> | <p>Có bảng tiến độ chi tiết trình bày theo biểu đồ thanh ngang theo ngày hoặc tuần, mỗi khoảng thời gian không quá 7 ngày (có sơ đồ và thuyết minh chi tiết, cụ thể), trong đó phải thể hiện rõ các mốc thời gian bắt đầu - kết thúc của từng nội dung công việc, tuy nhiên tổng tiến độ không vượt thời gian theo quy định của E-HSMT (≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, kể cả ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, tết, quyết toán, có tính đến điều kiện thời tiết không thuận lợi). Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cung ứng hoặc sản xuất hàng hóa, thiết bị và tập kết đến địa điểm cung cấp lắp đặt. - Thời gian thi công, lắp đặt hàng hóa tại từng địa điểm sử dụng. - Thời gian tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao. | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt |
|--|---|---------------------------------------|
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 2.4. Cơ sở vật chất (đối với nhà thầu là nhà sản xuất hoặc có một số mặt hàng nhà thầu trực tiếp sản xuất) | <p>Tài liệu chứng minh năng lực sản xuất bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu chứng minh có cơ sở vật chất thể hiện rõ tên và địa chỉ (nhà máy, phân xưởng,...). - Tài liệu chứng minh có máy móc thiết bị đảm bảo cho việc sản xuất. - Tài liệu về hệ thống quản lý môi trường, quản lý chất lượng, đảm bảo chất lượng các thiết bị của nhà thầu. - Tài liệu về kết quả kiểm tra thử nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm mà nhà thầu sản xuất cung cấp cho gói thầu. | Đạt |
| | Không kèm theo tài liệu chứng minh | Không đạt |
| 3. Bảo hành, bảo dưỡng, bảo trì | | |
| 3.1. Đề xuất Bảo hành, bảo trì đáp ứng yêu cầu cụ thể tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật - E-HSMT. | <p>Thời gian bảo hành tối thiểu 18 tháng và đảm bảo không nhỏ hơn thời gian bảo hành của Nhà sản xuất, thời hạn được tính kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu không thực hiện bảo dưỡng, bảo trì thiết bị trong thời gian bảo hành thiết bị thì Chủ đầu tư sẽ xem như nhà thầu không thực hiện nhiệm vụ bảo hành và sẽ xử lý bảo lãnh bảo hành theo quy định.</p> <p>Trình bày cụ thể quy trình và điều kiện bảo hành một cách cụ thể để đảm bảo hiệu quả tính liên tục trong quá trình sử dụng thiết bị của đơn vị trực tiếp sử dụng.</p> | Đạt |
| | <p>Không đáp ứng yêu cầu trên.</p> <p>Lưu ý: Thiếu ≥ 1 yêu cầu hoặc nội dung không đáp ứng trên E-HSMT sẽ không đạt.</p> | Không đạt |
| 3.2. Năng lực cung cấp: - Dịch vụ sau bán hàng; - Cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế; - Khả năng lắp đặt thiết bị, hàng hoá | <p>Nhà thầu cam kết cung cấp các dịch vụ sau bán hàng với các chế độ ưu đãi nhất đáp ứng thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa. Các vật tư, phụ tùng thay thế không vượt quá 50% giá trị hàng hóa.</p> <p>Thời gian có mặt để sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc Đơn vị sử dụng.</p> <p>Có cam kết thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): tối thiểu 5 năm</p> | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 4. Các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo, chuyển giao công nghệ | | |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt |
|---|--|---------------------------------------|
| 4.1. Các yếu tố về điều kiện thương mại | Cam kết giá trị của hàng hóa dự thầu phải đảm bảo bao gồm: - Các loại thuế theo quy định của pháp luật. - Các loại chi phí liên quan để sản phẩm hoàn thành đưa vào sử dụng. - Các loại chi phí kiểm định chất lượng và đặc tính kỹ thuật của hàng hóa trong công tác Vận hành kiểm tra và thử nghiệm (nếu có). | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. Lưu ý: Thiếu ≥ 1 yêu cầu hoặc nội dung không đáp ứng trên E-HSDT sẽ không đạt. | Không đạt |
| 4.2. Đào tạo, chuyển giao công nghệ | Thuyết minh cụ thể nội dung đào tạo - chuyển giao công nghệ. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 5. Uy tín của nhà thầu | | |
| 5.1. Thông qua việc tham dự thầu và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó kể từ 1/1/2022 đến thời điểm đóng thầu | Nhà thầu có bản cam kết các yêu cầu sau: a) Không có gói thầu nào khi trúng thầu mà không thương thảo hợp đồng hoặc có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. b) Không có kiện tụng; không có bất kỳ hợp đồng tương tự nào chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu và bị xử phạt (Các văn bản này được Chủ đầu tư ban hành đã công bố hoặc chưa công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia). c) Nộp thuế đầy đủ theo quy định (đã được cơ quan thuế xác nhận). d) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm đấu thầu đúng quy trình Luật đấu thầu bởi bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức hợp pháp nào trên toàn quốc. e) Nhà thầu chưa vi phạm lỗi sau khi tham dự thầu không huy động được nhân sự hoặc thiết bị thi công chủ yếu (không tính trường hợp nhà thầu được cho phép thay thế theo quy định). f) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của HSDT, HSDX khi được mời đối chiếu tài liệu; g) Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng. | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt |
|--|--|---------------------------------------|
| | <p>h) Nhà thầu rút HSDT, HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, HSDX.</p> <p>i) Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>j) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p> <p>k) Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn.</p> | |
| | <p>Không đáp ứng yêu cầu trên.</p> <p>Lưu ý: ≥ 1 yêu cầu không đáp ứng trên E-HSDT sẽ không đạt.</p> | Không đạt |
| 6. Các yếu tố cần thiết khác | | |
| 6.1. Khả năng thích ứng hàng hóa về địa lý, môi trường | <p>Có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng với điều kiện địa lý, môi trường nơi lắp đặt (hoặc tài liệu chứng minh khả năng thích ứng hàng hóa về địa lý, môi trường)</p> <p>Có đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý trong trường hợp hàng hóa bị hư hỏng do ảnh hưởng của môi trường và địa lý.</p> | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| 6.2 Catalogue và tiêu chuẩn của hãng sản xuất | <p>E-HSDT phải có đầy đủ catalogue, hình ảnh sản phẩm thực tế đối với hàng hóa dự thầu kèm theo E-HSDT. Hình ảnh đảm bảo đúng sản phẩm mà nhà thầu chào dự thầu, chất lượng hình ảnh rõ nét, catalogue phải chính xác với catalogue được nhà sản xuất công bố chính thức (trên website hoặc các hình thức khác). Trường hợp thiết bị chưa được công bố chính thức thì phải kèm theo xác nhận của Nhà sản xuất hoặc Nhà phân phối chính thức. Catalogue ngôn ngữ tiếng Việt, trường hợp tiếng Anh phải kèm bản dịch tiếng Việt</p> <p>- Thông số kỹ thuật trong hình ảnh hoặc</p> | |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt |
|--------------------------|---|---------------------------------------|
| | Catalogue hoặc bản vẽ phải phù hợp và logic với thông số kỹ thuật nhà thầu đề xuất. - Bàn, ghế, tủ, kệ các loại phải có đầy đủ bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ phối cảnh hoặc hình ảnh thể hiện rõ ràng các chi tiết: Hình dạng, kích thước, chất liệu, thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu tại Mục 2 Chương V của E-HSMT (đính kèm theo E-HSDT). | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Tất cả các tiêu chí đánh giá trên đều đạt | Đạt |
| | Không đạt một trong các tiêu chí đánh giá trên | Không đạt |